

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 138/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 26 – 8 – 2020

V/v không công nhận vợ chồng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Tiến Sĩ.

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà Trần Thị Mỹ Hương

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 387/2020/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 622/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm: 1990; Cư trú tại số nhà 229/18B, đường Hùng Vương, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh D. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Anh T; Cư trú tại số 152, đường Lý thường Kiệt, khóm G, phường H, thành phố C, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: chị Tr và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2009, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa nên chị Tr xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: có 02 đứa tên: Trần Tuấn A, sinh ngày 01/12/2010 và Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh ngày 12/8/2017. Khi ly hôn mỗi người nuôi một đứa không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: chị Tr khai không có.

Đối với anh T Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố thủ tục tố tụng: anh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2] Về hôn nhân: chị Tr và anh T sống chung như vợ chồng từ năm 2009, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định, nay xét hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn và vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 02 đứa tên: Trần Tuấn A, sinh ngày 01/12/2010 và Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh ngày 12/8/2017, hiện cháu Tuấn A đang sống chung với anh T và cháu Ngọc A1 đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn chị Tr đồng ý giao cháu Tuấn A cho anh T nuôi, còn cháu Ngọc A1 chị yêu cầu được nuôi con. Xét thấy việc nuôi con là trách nhiệm của cha, mẹ và theo quy định tại Điều 81 luật hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con nên Tòa án tiến hành ghi ý kiến của cháu Tuấn A thì cháu xác định có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận theo nguyện vọng của cháu mà giao cháu Tuấn A cho anh T nuôi là phù hợp. Riêng cháu Ngọc A1 hiện đang sống với chị Tr, do đó để tránh việc xáo trộn cuộc sống của cháu và anh T cũng không có ý kiến gì về con, vì vậy cần tiếp tục giao cháu Ngọc A1 cho chị Tr nuôi là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị Tr không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không có.

[6] Về nợ chung: chị Tr khai không có.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình chị Tr phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Trần Anh T.

- Về con chung: giao cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 01/12/2010 cho anh T nuôi; Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh ngày 12/8/2017 cho chị Tr nuôi.

Anh T và chị Tr được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Tr không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: chị Tr khai không có.

2. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Tr phải chịu. Ngày 07 tháng 7 năm 2020 chị Tr đã dự nộp 300.000đ tại lai số 0002114 được giữ y sung quỹ nhà nước.

Chị Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu án văn (VPTANDTPCM);
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

Lương Tiến Sĩ